

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

DANH SÁCH SINH VIÊN NỘ LỆ PHÍ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ
Đợt thi ngày 19/6/2020

STT	MSV	Họ tên	Số tiền (VNĐ)	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	381213	Lê Văn Sơn	300000	Anh văn	
2	382732	Nguyễn Vũ Tuấn	300000	Anh văn	
3	382767	Cao Nguyên Hưng	300000	Anh văn	
4	390112	Nguyễn Tuấn Thành	300000	Anh văn	
5	390774	Nguyễn Kim Thắng	300000	Anh văn	
6	391149	Đỗ Thị Thúy	300000	Anh văn	
7	391267	Võ Tuấn Linh	300000	Anh văn	
8	392444	Nguyễn Thị Hải	300000	Anh văn	
9	392874	Đinh Thúy Hiền	300000	Anh văn	
10	393130	Trịnh Thị Anh	300000	Anh văn	
11	400102	Mai Tiến Thành	300000	Nga văn	
12	400109	Đoàn Thúy Ngân	300000	Anh văn	
13	400136	Nông Hải Tuấn	300000	Anh văn	
14	400164	Lương Thảo Phương	300000	Anh văn	
15	400211	Bùi Thị Huế	300000	Anh văn	
16	400255	Âu Thị Sen	300000	Trung văn	
17	400258	Nguyễn Thị Vân	300000	Anh văn	
18	400357	Bùi Thị Thúy Hiền	300000	Anh văn	
19	400358	Hoàng Đình Tuấn	300000	Anh văn	
20	400407	Nguyễn Văn Hùng	300000	Anh văn	
21	400460	Nông Thị Thiên Trang	300000	Nga văn	
22	400461	Trịnh Thị Thùy Dung	300000	Anh văn	
23	400466	Ma Hoài Thương	300000	Nga văn	
24	400470	Lăng Thị Minh Huệ	300000	Anh văn	
25	400472	Bùi Khánh Linh	300000	Anh văn	
26	400515	Bùi ái Việt	300000	Anh văn	
27	400529	Hoàng Chi Phương	300000	Anh văn	
28	400565	Nông Thị Mai Trang	300000	Trung văn	
29	400567	Nguyễn Thị Như Quỳnh	300000	Trung văn	
30	400605	Phùng Hoàng Khánh Linh	300000	Anh văn	
31	400609	Nguyễn Thị Thảo Ly	300000	Anh văn	
32	400616	Lưu Thị Hoài Linh	300000	Anh văn	
33	400650	Trần Thị Thủy	300000	Anh văn	
34	400661	Nguyễn Thu Thảo	300000	Anh văn	
35	400666	Nguyễn Thị Hà	300000	Trung văn	
36	400742	Nguyễn Hồng Hạnh	300000	Anh văn	
37	400808	Nguyễn Việt Hoàng	300000	Anh văn	
38	400845	Nguyễn Giang Uy	300000	Anh văn	
39	400848	Hoàng Thu Hoàn	300000	Anh văn	
40	400851	Ma Thị Thanh Tâm	300000	Anh văn	
41	400854	Vương Thị Linh Chi	300000	Anh văn	
42	400855	Nguyễn Đức Công	300000	Anh văn	

STT	MSV	Họ tên	Số tiền (VNĐ)	Ngoại ngữ	Ghi chú
43	400857	Triệu Thị Hương	300000	Anh văn	
44	400911	Nguyễn Văn Đạt	300000	Anh văn	
45	400940	Hoàng Thị Minh Hương	300000	Anh văn	
46	400949	Hoàng Thị Sa	300000	Anh văn	
47	400950	Sùng Thị Vang	300000	Nga văn	
48	400964	Nguyễn Khánh Duy	300000	Anh văn	
49	400967	Trần Thị Thu Hà	300000	Anh văn	
50	401053	Phùng Thị Kiều Trinh	300000	Trung văn	
51	401057	Lý Thùy Linh	300000	Trung văn	
52	401061	Triệu Thị Kim Dung	300000	Anh văn	
53	401063	Nông Thị Vân Hoa	300000	Anh văn	
54	401117	Nguyễn Hương Giang	300000	Nga văn	
55	401165	Lò Trung Thành	300000	Nga văn	
56	401248	Phạm Mai Trang	300000	Anh văn	
57	401257	Phạm Thị Giang	300000	Trung văn	Hoãn thi
58	401327	Lữ Thị Thảo Trinh	300000	Anh văn	
59	401353	Nguyễn Đình Cảnh	300000	Anh văn	
60	401357	Phạm Thị Hằng	300000	Trung văn	
61	401419	Thái Thị Thúy Anh	300000	Anh văn	
62	401512	Nguyễn Thị Hương Anh	300000	Anh văn	
63	401554	Thào A Chứ	300000	Trung văn	
64	401562	Bùi Thị Mỹ Duyên	300000	Nga văn	
65	401572	Thiều Thị Trinh	300000	Trung văn	
66	401606	Lưu Thành Tâm	300000	Anh văn	
67	401652	Nguyễn Thị Linh	300000	Trung văn	
68	401654	Thào A Pó	300000	Anh văn	
69	401669	Đinh Thị Phương	300000	Trung văn	
70	401763	Nguyễn Thị Như Ngọc	300000	Anh văn	
71	401832	Nguyễn Thị Tuyết Mai	300000	Trung văn	
72	401855	Hoàng Việt Cường	300000	Nga văn	
73	401870	Nguyễn Xa Hoàng	300000	Anh văn	
74	401955	Nguyễn Đức Thành	300000	Anh văn	
75	402048	Ma Thị Diệu Huyền	300000	Anh văn	
76	402063	Hoàng Thị Đình Mỹ	300000	Trung văn	
77	402151	Đào Anh Dũng	300000	Anh văn	
78	402173	Nông Văn Nam	300000	Anh văn	
79	402343	Phạm Văn Hưng	300000	Anh văn	
80	402351	Đinh Thùy Linh	300000	Anh văn	
81	402410	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	300000	Nga văn	
82	402468	Đặng Ngọc ánh	300000	Anh văn	
83	402522	Phạm Thị Phương Anh	300000	Anh văn	
84	402561	Lộc Thị Sao	300000	Anh văn	
85	402571	Lục Minh Hoài	300000	Anh văn	
86	402601	Đỗ Lê Huy Hùng	300000	Anh văn	
87	402662	Đỗ Thị Hoa	300000	Anh văn	
88	402712	Nguyễn Việt Anh	300000	Anh văn	
89	402724	Bùi Thị Thúy An	300000	Anh văn	
90	402735	Đặng Thị Quỳnh Anh	300000	Anh văn	

STT	MSV	Họ tên	Số tiền (VNĐ)	Ngoại ngữ	Ghi chú
91	402736	Phạm Thị Lan Hương	300000	Anh văn	
92	402748	Cà Thị Quyên	300000	Trung văn	
93	402906	Lê Hồng Tuấn	300000	Anh văn	
94	402913	Vũ Thuý Tiên	300000	Anh văn	
95	402970	Vũ Thị Minh Hằng	300000	Anh văn	
96	403205	Hoàng Đức Duy	300000	Anh văn	
97	403208	Nguyễn Lan Hương	300000	Anh văn	
98	403209	Ngô Phương Hiếu	300000	Anh văn	
99	403261	Hoàng Thị Phương	300000	Trung văn	
100	403325	Nông Ngọc Mai	300000	Trung văn	
101	403359	Lương Thị Hồng Gấm	300000	Trung văn	
102	403371	Vũ Quốc Cường	300000	Trung văn	
103	403436	Trần Thị Như Quyên	300000	Anh văn	
104	403437	Trần Thị Như Quỳnh	300000	Anh văn	
105	403729	Bạch Thị Nga	300000	Anh văn	
106	403905	Đặng Thu Uyên	300000	Anh văn	
107	403907	Bùi Ngọc ánh	300000	Anh văn	
108	403911	Nguyễn Ngọc ánh	300000	Anh văn	
109	403922	Lai Thế Lân	300000	Anh văn	
110	403939	Trịnh Thị Hằng	300000	Anh văn	
111	403944	Đặng Thị Nhung	300000	Anh văn	
112	403945	Nguyễn Thị Thủy	300000	Anh văn	
113	404004	Vũ Minh Hương	300000	Anh văn	
114	404033	Nguyễn Phương Thảo	300000	Anh văn	
115	404035	Võ Minh Thư	300000	Anh văn	
116	404036	Vũ Thị Thanh Thắng	300000	Anh văn	
117	404045	Đặng Thị Dung	300000	Anh văn	
118	404047	Vũ Thị Hương Giang	300000	Anh văn	
119	404055	Nguyễn Thị Minh Ngọc	300000	Anh văn	
120	404063	Phạm Quốc Anh	300000	Anh văn	
121	404068	Nguyễn Hà Thủy	300000	Anh văn	
122	410102	Trần Thị Đoan Phượng	300000	Anh văn	
123	410103	Đỗ Thị Nga	300000	Anh văn	
124	410104	Phạm Thu Hà	300000	Anh văn	
125	410105	Đồng Thị Diễm	300000	Anh văn	
126	410106	Lưu Minh Hiếu	300000	Anh văn	
127	410107	Nguyễn Thị Liên	300000	Anh văn	
128	410113	Tông Khánh Duyên	300000	Anh văn	
129	410116	Trương Thị Hằng	300000	Anh văn	
130	410119	Tần Thị Dung	300000	Nga văn	
131	410120	Hạc Thị Hạnh	300000	Trung văn	
132	410122	Lê Thùy Linh	300000	Anh văn	
133	410123	Nguyễn Thị Thu Nga	300000	Anh văn	
134	410124	Nguyễn Thị Hòa	300000	Nga văn	
135	410126	Trần Thị Quyên	300000	Nga văn	
136	410127	Bùi Bích Thùy	300000	Anh văn	
137	410130	Nguyễn Thị Hà	300000	Anh văn	
138	410131	Hoàng Ngọc Hiên	300000	Anh văn	

STT	MSV	Họ tên	Số tiền (VNĐ)	Ngoại ngữ	Ghi chú
139	410140	Lê Hoàng Nam	300000	Anh văn	
140	410143	Đoàn Nguyễn Phương Anh	300000	Anh văn	
141	410144	Đào Kim Ngân	300000	Trung văn	
142	410146	Nguyễn Thị Phương Thảo	300000	Anh văn	
143	410147	Khúc Thị Ngân	300000	Nga văn	
144	410149	Vũ Thị Nhung	300000	Anh văn	
145	410150	Vi Thùy Linh	300000	Trung văn	
146	410151	Hứa Hà My	300000	Anh văn	
147	410152	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	300000	Anh văn	
148	410154	Hà Thị Thu Hằng	300000	Trung văn	
149	410202	Nguyễn Thị Phương	300000	Anh văn	
150	410206	Lê Thị Ngọc	300000	Trung văn	
151	410208	Mai Thị Phương Bắc	300000	Trung văn	
152	410214	Đỗ Danh Tùng	300000	Anh văn	
153	410215	Lê Thị Hương Giang	300000	Anh văn	
154	410218	Nguyễn Phương Lan	300000	Nga văn	
155	410219	Võ Thị Trang	300000	Anh văn	
156	410220	Tô Thị Đệ	300000	Anh văn	
157	410221	Mai Văn Duân	300000	Anh văn	
158	410222	Lê Thủy Tiên	300000	Anh văn	
159	410223	Hoàng Thị Minh Khiêm	300000	Anh văn	
160	410225	Hoàng Minh Tuấn	300000	Anh văn	
161	410227	Lê Thị Phương	300000	Anh văn	
162	410228	Hoàng Thị Ngọc	300000	Trung văn	
163	410230	Vũ Thị Hiền	300000	Anh văn	
164	410232	Ngô Thị Thanh Thu	300000	Anh văn	
165	410234	Bàng Vũ Hoàng Sơn	300000	Anh văn	
166	410249	Đoàn Thảo Chi	300000	Trung văn	
167	410250	Lương Minh Hoàng	300000	Nga văn	
168	410252	Vàng A Tênh	300000	Anh văn	
169	410254	Phùng Thị Thảo	300000	Trung văn	
170	410302	Lê Thị ánh	300000	Trung văn	
171	410304	Trần Thị Mai	300000	Anh văn	
172	410309	Mã Thị Hồng Hạnh	300000	Anh văn	
173	410312	Trần Thị Thu Hà	300000	Anh văn	
174	410317	Trương Thị Hiền	300000	Anh văn	
175	410318	Vũ Bích Phượng	300000	Anh văn	
176	410319	Hoàng Thúy Trà	300000	Anh văn	
177	410320	Nông Thị Thu Hà	300000	Anh văn	
178	410322	Điền Kiều Trang	300000	Anh văn	
179	410323	Đỗ Thị Quỳnh Anh	300000	Anh văn	
180	410324	Nguyễn Thị Thủy	300000	Trung văn	
181	410326	Lương Thạch Thảo	300000	Anh văn	
182	410328	Nông Thùy Trang	300000	Anh văn	
183	410329	Nguyễn Thị Thu Uyên	300000	Anh văn	
184	410332	Hoàng Minh Trung Hiếu	300000	Anh văn	
185	410336	Đặng Thị Thu Hường	300000	Anh văn	
186	410337	Nguyễn Thu Hằng	300000	Anh văn	

STT	MSV	Họ tên	Số tiền (VNĐ)	Ngoại ngữ	Ghi chú
187	410344	Vũ Quỳnh Hương	300000	Anh văn	
188	410345	Vương Thu Huế	300000	Trung văn	
189	410347	Hoàng Dương Hải Trang	300000	Anh văn	
190	410349	Đoàn Thị Lâm Luyến	300000	Trung văn	
191	410351	Triệu Thị Loan	300000	Anh văn	
192	410352	Nguyễn Quang Hà	300000	Trung văn	
193	410353	Nguyễn Ngọc Tú	300000	Trung văn	
194	410354	Hoàng Đức Giang	300000	Anh văn	
195	410357	Vàng Văn Vượng	300000	Nga văn	
196	410403	Nông Thị Trà	300000	Trung văn	
197	410408	Lê Quang Hùng	300000	Anh văn	
198	410416	Trịnh Thị Thanh Huyền	300000	Anh văn	
199	410420	Nguyễn Thu Thảo	300000	Nga văn	
200	410422	Bùi Thị Ngọc ánh	300000	Nga văn	
201	410423	Bùi Việt Phương	300000	Anh văn	
202	410426	Đinh Hoàng Yến	300000	Anh văn	
203	410427	Nguyễn Phương Thảo	300000	Anh văn	
204	410428	Nguyễn Thị Hồ Ly	300000	Anh văn	
205	410429	Đặng Thị Tú Oanh	300000	Anh văn	
206	410430	Hán Thị Thu Hà	300000	Anh văn	
207	410432	Nguyễn Thị Dung	300000	Anh văn	
208	410434	Trương Lê Thùy	300000	Anh văn	
209	410438	Trần Thị Nga	300000	Nga văn	
210	410439	Đặng Thị Đào	300000	Anh văn	
211	410440	Nguyễn Huy Hoàng	300000	Anh văn	
212	410444	Vương Thị Yến	300000	Anh văn	
213	410452	Sùng Văn Soòng	300000	Trung văn	
214	410453	Vàng A Cá	300000	Trung văn	
215	410454	Giàng Seo Lặng	300000	Trung văn	
216	410457	Đỗ Trung Đức	300000	Nga văn	
217	410458	Đặng Đình Thái	300000	Anh văn	
218	410459	Nguyễn An Linh	300000	Nga văn	
219	410460	Nguyễn Văn Lợi	300000	Nga văn	
220	410503	Đỗ Phương Hoa	300000	Anh văn	
221	410504	Triệu Thị Phương Mai	300000	Trung văn	
222	410505	Nguyễn Tuấn Anh	300000	Anh văn	
223	410506	Phạm Thị Thu Hoài	300000	Anh văn	
224	410509	Nghiêm Minh Huyền	300000	Trung văn	
225	410510	Lê Thị Hân	300000	Anh văn	
226	410511	Trương Quang Linh	300000	Anh văn	
227	410513	Phan Thị Thu Thảo	300000	Trung văn	
228	410514	Nguyễn Văn Phúc	300000	Anh văn	
229	410515	Hoàng Thị Mai Hoa	300000	Trung văn	
230	410516	Trần Thu Hà	300000	Trung văn	
231	410517	Đặng Ngọc Anh	300000	Anh văn	
232	410518	Lê Thị Anh	300000	Anh văn	
233	410519	Đinh Thị Sương	300000	Anh văn	
234	410520	Hoàng Thị Hồng Xuân	300000	Trung văn	

STT	MSV	Họ tên	Số tiền (VNĐ)	Ngoại ngữ	Ghi chú
235	410521	Trần Thị Bình	300000	Trung văn	
236	410522	Nguyễn Thị Phương Dung	300000	Anh văn	
237	410523	Phạm Thanh Thúy	300000	Anh văn	
238	410524	Lý Minh Nguyệt	300000	Anh văn	
239	410526	Đàm Thị Đào	300000	Trung văn	
240	410527	Phạm Ngọc Thảo	300000	Trung văn	
241	410528	Lê Thị Hải Yến	300000	Anh văn	
242	410529	Nguyễn Khánh Hằng	300000	Anh văn	
243	410537	Nguyễn Thị Diệu Linh	300000	Anh văn	
244	410538	Dư Minh Hằng	300000	Trung văn	
245	410541	Nguyễn Thùy Dương	300000	Anh văn	
246	410548	Tạ Quỳnh Trang	300000	Anh văn	
247	410549	Đinh Thị Cẩm Anh	300000	Anh văn	
248	410550	Lê Hà Giang	300000	Anh văn	
249	410555	Hoàng Thị Nhã	300000	Trung văn	
250	410556	Nguyễn Thúy Hồng	300000	Nga văn	
251	410558	Mai Trọng Thao	300000	Trung văn	
252	410559	Ngô Anh Dũng	300000	Nga văn	
253	410601	Nguyễn Thị ánh	300000	Anh văn	
254	410602	Nguyễn Phú An	300000	Anh văn	
255	410605	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	300000	Anh văn	
256	410606	Phạm Thị Ly	300000	Anh văn	
257	410607	Lê Thị Cần	300000	Anh văn	
258	410608	Nguyễn Phương Anh	300000	Anh văn	
259	410609	Trần Đức Thành	300000	Trung văn	
260	410610	Đoàn Thảo Phương	300000	Anh văn	
261	410612	Hồ Thị Khánh Linh	300000	Trung văn	
262	410614	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	300000	Trung văn	
263	410618	Hoàng Thị Hằng	300000	Trung văn	
264	410620	Nguyễn Thị Thảo	300000	Trung văn	
265	410621	Hà ánh Nguyệt	300000	Anh văn	
266	410622	Lương Thị Phương Hoa	300000	Anh văn	
267	410623	Bùi Trần Diễm Quỳnh	300000	Anh văn	
268	410624	Tòng Văn Quỳnh	300000	Anh văn	
269	410625	Nguyễn Hoàng Linh	300000	Anh văn	
270	410626	Nguyễn Quang Việt	300000	Anh văn	
271	41062799	Nguyễn Thị Bích Ngọc	300000	Nga văn	
272	410628	Hoàng Thị Ngọc	300000	Trung văn	
273	410629	Mùa Lưu Ly	300000	Anh văn	
274	410634	Hoàng Thu Thủy	300000	Anh văn	
275	410639	Cầm Thị Hà	300000	Anh văn	
276	410640	Khúc Thu Hà	300000	Anh văn	
277	410642	Mạc Nguyễn Tú Anh	300000	Anh văn	
278	410643	Nguyễn Thùy Dung	300000	Anh văn	
279	410645	Phạm Ngọc Khánh Huyền	300000	Anh văn	
280	410648	Ngô Thị Huyền Trang	300000	Anh văn	
281	410649	Bùi Thị Linh	300000	Anh văn	
282	410653	Giàng A Vư	300000	Trung văn	

STT	MSV	Họ tên	Số tiền (VNĐ)	Ngoại ngữ	Ghi chú
283	410655	Nông Lan Hương	300000	Trung văn	
284	410656	Nguyễn Chí Cương	300000	Anh văn	
285	410657	Trương Công Luận	300000	Trung văn	
286	410658	Triệu Thị Diện	300000	Anh văn	
287	410660	Vũ Trung Anh	300000	Nga văn	
288	410661	Vũ Văn Hoàng	300000	Nga văn	
289	410662	Lưu Trung Huy	300000	Nga văn	
290	410702	Nguyễn Quang Linh	300000	Anh văn	
291	410703	Hồ Thị Thuỳ	300000	Trung văn	
292	410705	Lê Thị Linh	300000	Trung văn	
293	410708	Phạm Thái Anh	300000	Anh văn	
294	410709	Nguyễn Thị Hoài	300000	Anh văn	
295	410710	Phạm Hồng Ngọc	300000	Anh văn	
296	410711	Trần Hoàng Anh	300000	Nga văn	
297	410713	Hoàng Thị Hiền	300000	Anh văn	
298	410714	Hà Thị Lan Hương	300000	Nga văn	
299	410715	Vũ Thị Hoài Linh	300000	Anh văn	
300	410716	Phan Thị Trang	300000	Anh văn	
301	410717	Tổng Thị Thanh Thẩm	300000	Anh văn	
302	410719	Phạm Thanh Quân	300000	Anh văn	
303	410721	Lê Phương Dung	300000	Trung văn	
304	410723	Nông Thị Hoài	300000	Nga văn	
305	410724	Lưu Thị Ngân Oanh	300000	Anh văn	
306	410725	Diệp Khánh Huyền	300000	Anh văn	
307	410728	Phạm Thị Thu	300000	Nga văn	
308	410729	Nguyễn Thị Kim Ngân	300000	Trung văn	
309	410730	Lý Thanh Loan	300000	Nga văn	
310	410738	Vũ Thị Mai	300000	Anh văn	
311	410739	Nguyễn Thùy Dương	300000	Nga văn	
312	410740	Dương Thị Anh Đào	300000	Nga văn	
313	410742	Lê Thị Hồng Uyên	300000	Anh văn	
314	410743	Phạm Thị Mai Phương	300000	Anh văn	
315	410744	Lê Thị Mai Anh	300000	Anh văn	
316	410745	Nguyễn Thị Thu Oanh	300000	Trung văn	
317	410746	Phạm Thu Huyền	300000	Anh văn	
318	410747	Trần Thị Hà Trang	300000	Anh văn	
319	410749	Hà Thị Hương Trà	300000	Trung văn	
320	410750	Nông Thị Phương	300000	Trung văn	
321	410751	Lương Văn Toàn	300000	Nga văn	
322	410754	Giảng Văn Tư	300000	Nga văn	
323	410755	Hoàng Như Quỳnh	300000	Trung văn	
324	410756	Nguyễn Văn Toán	300000	Anh văn	
325	410759	Lê Ngọc Nam	300000	Anh văn	
326	410801	Hồ Lê Thu Thảo	300000	Anh văn	
327	410803	Vũ Văn Anh	300000	Anh văn	
328	410805	Lò Ngọc Quang	300000	Anh văn	
329	410807	Hoàng Thu Hoàn	300000	Anh văn	
330	410808	Nguyễn Đức Thành	300000	Anh văn	

STT	MSV	Họ tên	Số tiền (VNĐ)	Ngoại ngữ	Ghi chú
331	410812	Phuong Thị Nguyên	300000	Anh văn	
332	410813	Nguyễn Quốc Khánh	300000	Anh văn	
333	410814	Đỗ Thị Hồng	300000	Anh văn	
334	410816	Đặng Thị Hạnh	300000	Anh văn	
335	410817	Hoàng Thị Hằng Nga	300000	Trung văn	
336	410820	Trương Thị Phương Giang	300000	Trung văn	
337	410822	Ngô Nguyễn Thu Trang	300000	Anh văn	
338	410823	Ngô Ngọc Diệp	300000	Anh văn	
339	410824	Bùi Hải Yến	300000	Anh văn	
340	410825	Trần Thị Phụng	300000	Anh văn	
341	410826	Đinh Thị Thảo Nguyên	300000	Trung văn	
342	410833	Nguyễn Thị Huyền	300000	Trung văn	
343	410834	Nguyễn Thị Bảo Thúy	300000	Anh văn	
344	410837	Nguyễn Lê Thu Uyên	300000	Anh văn	
345	410840	Nguyễn Thị Huế	300000	Anh văn	
346	410843	Lê Anh Thư	300000	Anh văn	
347	410845	Nông Hồng Nhung	300000	Anh văn	
348	410846	Vũ Thùy Linh	300000	Anh văn	
349	410847	Lê Thị Linh	300000	Trung văn	
350	410849	Lương Thị Hoàng Lan	300000	Anh văn	
351	410850	Phan Hoàng Oanh	300000	Anh văn	
352	410851	Viên Ngọc Huy	300000	Nga văn	
353	410856	Lương Thị Đài Trang	300000	Trung văn	
354	410903	Mai Thị Huyền	300000	Anh văn	
355	410905	Lê Văn Ngọc	300000	Trung văn	
356	410906	Nguyễn Văn Lực	300000	Anh văn	
357	410907	Nguyễn Thùy Dương	300000	Anh văn	
358	410908	Hoàng Đức Thắng	300000	Anh văn	
359	410910	Đào Thị Trà My	300000	Nga văn	
360	410912	Lê Thế Anh	300000	Anh văn	
361	410913	Phạm Thu Hà	300000	Nga văn	
362	410914	Bế Phương Diễm	300000	Trung văn	
363	410915	Nguyễn Thị Hồng Thương	300000	Anh văn	
364	410916	Hoàng Thị Khánh Vân	300000	Anh văn	
365	410917	Nguyễn Thị Huyền	300000	Nga văn	
366	410918	Bùi Đình Công	300000	Nga văn	
367	410920	Lương Thị Hồng Diên	300000	Anh văn	
368	410921	Phạm Diệu Linh	300000	Nga văn	
369	410922	Cầm Thị May Ly	300000	Anh văn	
370	410923	Vũ Thị Thanh Thư	300000	Anh văn	
371	410924	Đoàn Thị Lý	300000	Trung văn	
372	410925	Nguyễn Thị Khuyên	300000	Anh văn	
373	410926	La Thị Loan	300000	Trung văn	
374	410927	Bùi Thị Hồng Vân	300000	Anh văn	
375	410928	Hoàng Thị Chinh	300000	Nga văn	
376	410929	Lê Thị Ngoãn	300000	Nga văn	
377	410930	Tần Phòng Mây	300000	Anh văn	
378	410931	Vũ Thị Mỹ Linh	300000	Anh văn	

STT	MSV	Họ tên	Số tiền (VNĐ)	Ngoại ngữ	Ghi chú
379	410932	Đinh Thị Vân Anh	300000	Anh văn	
380	410938	Đinh Thị Thanh Huyền	300000	Anh văn	
381	410941	Lê Thu Hương	300000	Anh văn	
382	410944	Phan Thị Anh	300000	Anh văn	
383	410947	Nguyễn Duyên Quỳnh	300000	Anh văn	
384	410949	Lý Thị Liễu	300000	Anh văn	
385	410951	Phùng Đức Toàn	300000	Anh văn	
386	410952	Lê Đức Hòa	300000	Trung văn	
387	410953	Trần Thị Hà	300000	Nga văn	
388	410954	Linh Thị Loan	300000	Anh văn	
389	410955	Nguyễn Thị Hạnh	300000	Anh văn	
390	411004	Bùi Đức Anh	300000	Anh văn	
391	411005	Nông Mạnh Quang	300000	Trung văn	
392	411008	Đặng Thị Thanh Nhân	300000	Nga văn	
393	411010	Bùi Thị Như ý	300000	Anh văn	
394	411013	Chu Văn Dũng	300000	Trung văn	
395	411015	Phạm Thị Nga	300000	Trung văn	
396	411018	Trần Thị Thanh Thanh	300000	Anh văn	
397	411019	Trần Thị Hồng Duyên	300000	Anh văn	
398	411020	Nông Thị Đông	300000	Nga văn	
399	411021	Đoàn Thị Ngọc Huyền	300000	Nga văn	
400	411025	Ngân Thu Hương	300000	Anh văn	
401	411026	Đặng Thị Thủy	300000	Trung văn	
402	411027	Lò Thị Hiên	300000	Anh văn	
403	411028	Đỗ Thị Thu	300000	Nga văn	
404	411029	Nông Thị Ngân	300000	Trung văn	
405	411030	Nông Thị Huế	300000	Trung văn	
406	411031	Nguyễn Thị Ngọc Mai	300000	Anh văn	
407	411034	Hà Thị Minh Thanh	300000	Anh văn	
408	411038	Trần Mỹ Linh	300000	Anh văn	
409	411039	Nguyễn Hà Mi	300000	Anh văn	
410	411041	Đỗ Khánh Nguyên Phương	300000	Trung văn	
411	411043	Hoàng Thị Huệ	300000	Nga văn	
412	411044	Ma Thị Kiều Trang	300000	Nga văn	
413	411045	Ngô Thị Mĩ Bình	300000	Anh văn	
414	411046	Đặng Thị Phương Linh	300000	Anh văn	
415	411047	Ngô Thùy Dung	300000	Trung văn	
416	411048	Hoàng Thị Trâm Anh	300000	Nga văn	
417	411049	Lê Thị Huyền Trang	300000	Anh văn	
418	411050	Lăng Thùy Trang	300000	Anh văn	
419	411054	Triệu Thị Kim Anh	300000	Trung văn	
420	411055	Giàng Thị Nguyên	300000	Trung văn	
421	411101	Hoàng Thị Thùy Ngân	300000	Anh văn	
422	411102	Nguyễn Phương Thảo	300000	Anh văn	
423	411104	Cần Thị Tuyết Minh	300000	Anh văn	
424	411105	Dương Thị Mơ	300000	Anh văn	
425	411106	Hoàng Văn Việt	300000	Anh văn	
426	411107	Đinh Thị Thúy Hường	300000	Anh văn	

STT	MSV	Họ tên	Số tiền (VNĐ)	Ngoại ngữ	Ghi chú
427	411109	Mai Thị Huyền Trang	300000	Anh văn	
428	411111	Nguyễn Thu Thảo	300000	Anh văn	
429	411113	Phạm Thu Hằng	300000	Anh văn	
430	411114	Nguyễn Văn Cảnh	300000	Anh văn	
431	411116	Lê Thị Phụng	300000	Anh văn	
432	411117	Hoàng Hiền Mai	300000	Anh văn	
433	411118	Lữ Thị Thu Trang	300000	Anh văn	
434	411119	Lăng Thanh Huyền	300000	Anh văn	
435	411120	Lùng Thị Kim Chi	300000	Anh văn	
436	411121	Quách Thị Hồng	300000	Anh văn	
437	411122	Hà Thị Phương	300000	Trung văn	
438	411126	Đặng Thị Thùy Linh	300000	Anh văn	
439	411128	Nguyễn Thanh Uyên	300000	Anh văn	
440	411131	Mã Thị Hoàng Anh	300000	Trung văn	
441	411134	An Ngọc Huyền	300000	Anh văn	
442	411135	Nguyễn Hoài Khánh Linh	300000	Anh văn	
443	411136	Nguyễn Thanh Thảo	300000	Trung văn	
444	411137	Nguyễn Thị Thùy	300000	Anh văn	
445	411141	Đào Thị Thùy Linh	300000	Anh văn	
446	411142	Lê Thị Thanh Hà	300000	Anh văn	
447	411145	Hoàng Thị Thủy	300000	Anh văn	
448	411146	Dương Đặng Khánh Linh	300000	Anh văn	
449	411148	Nguyễn Thị Phương Anh	300000	Anh văn	
450	411149	Hoàng Thị Thảo	300000	Anh văn	
451	411150	Nông Thúy Ly	300000	Trung văn	
452	411151	Phùng Thị Oanh	300000	Trung văn	
453	411152	Vì Thị Thanh	300000	Trung văn	
454	411201	Đào Minh Thắng	300000	Anh văn	
455	411202	Nguyễn Thị Ngọc	300000	Anh văn	
456	411206	Đỗ Kỳ Anh	300000	Anh văn	
457	411208	Nguyễn Ngọc Quỳnh	300000	Anh văn	
458	411212	Nguyễn Phương Thảo	300000	Anh văn	
459	411213	Lê Phúc Lộc	300000	Anh văn	
460	411214	Lưu Thục Trinh	300000	Anh văn	
461	411215	Bùi Vân Quỳnh	300000	Anh văn	
462	411216	Hà Thị Nhung	300000	Anh văn	
463	411217	Lạng Thị Tình	300000	Nga văn	
464	411218	Trịnh Thị Linh	300000	Anh văn	
465	411220	Nguyễn Thị Huyền Trang	300000	Trung văn	
466	411221	Nguyễn Thị Loan	300000	Trung văn	
467	411223	Nguyễn Thị Bích	300000	Anh văn	
468	411225	Quảng Thị Duyên	300000	Trung văn	
469	411226	Chu Thuý Lan	300000	Anh văn	
470	411230	Lê Phạm Thị Thu	300000	Trung văn	
471	411231	Hoàng Thị Yến	300000	Anh văn	
472	411233	Dương Việt Phương	300000	Nga văn	
473	411234	Nguyễn Lê Diệu Ngân	300000	Anh văn	
474	411235	Đàm Thị Minh Nghĩa	300000	Anh văn	

STT	MSV	Họ tên	Số tiền (VNĐ)	Ngoại ngữ	Ghi chú
475	411236	Phạm Thị Hiền	300000	Anh văn	
476	411237	Phạm Thu Hằng	300000	Anh văn	
477	411239	Nguyễn Thị ánh Ngọc	300000	Trung văn	
478	411241	Đặng Thị Nhung	300000	Anh văn	
479	411242	Vũ Công Thành	300000	Anh văn	
480	411244	Phương Thị Bằng	300000	Trung văn	
481	411245	Nguyễn Thị Thùy Trang	300000	Anh văn	
482	411246	Trần Thanh Huyền	300000	Anh văn	
483	411248	Bùi Thị Hậu	300000	Trung văn	
484	411251	Vàng Văn Đông	300000	Trung văn	
485	411252	Xa Thị My	300000	Anh văn	
486	411253	Sâm Văn Trọng	300000	Anh văn	
487	411255	Nguyễn Đoàn Thanh Thảo	300000	Anh văn	
488	411301	Phan Tiến Mừng	300000	Anh văn	
489	411302	Nguyễn Anh Tuấn	300000	Anh văn	
490	411304	Nguyễn Thị Diệp	300000	Anh văn	
491	411305	Vũ Ngọc Hiếu	300000	Anh văn	
492	411306	Hoàng Thị Nhân	300000	Anh văn	
493	411307	Nguyễn Thị Phương Thảo	300000	Trung văn	
494	411308	Hoàng Thị Kim Anh	300000	Trung văn	
495	411311	Nguyễn Yên Nhi	300000	Trung văn	
496	411312	Trần Việt Hòa	300000	Anh văn	
497	411317	Lương Thị Kim	300000	Trung văn	
498	411318	Cầm Thị Mỹ Nương	300000	Trung văn	
499	411319	Dương Thị Linh Tiêm	300000	Trung văn	
500	411320	Nguyễn Hồng Nhung	300000	Trung văn	
501	411321	Lương Thị Hằng	300000	Trung văn	
502	411322	Phùng Thị Thanh Hằng	300000	Trung văn	
503	411324	Lường Thùy Dung	300000	Anh văn	
504	411325	Đường Thị Linh	300000	Anh văn	
505	411326	Hoàng Thị Hằng	300000	Anh văn	
506	411328	Đặng Thị Thanh Xuân	300000	Nga văn	
507	411330	Sầm Thị Nhân	300000	Trung văn	
508	411332	Nguyễn Minh Anh	300000	Anh văn	
509	411334	Hà Thị Loan	300000	Nga văn	
510	411335	Đỗ Thị Thu Phương	300000	Anh văn	
511	411343	Trịnh Yên Mai	300000	Anh văn	
512	411348	Mai Hồng Ngọc	300000	Anh văn	
513	411351	Sùng Thị Thu Phương	300000	Trung văn	
514	411352	Bùi Thu Phương	300000	Anh văn	
515	411353	Đặng Thùy Linh	300000	Anh văn	
516	411355	Trần Thị Dinh	300000	Anh văn	
517	411401	Ngô Ngọc Loan	300000	Anh văn	
518	411402	Trần Thị Ngọc Anh	300000	Anh văn	
519	411403	Vũ Trọng Minh	300000	Trung văn	
520	411406	Lê Thị Hải Đường	300000	Anh văn	
521	411407	Bùi Thị Duyên	300000	Anh văn	
522	411408	Trần Thị Hiền	300000	Anh văn	

STT	MSV	Họ tên	Số tiền (VNĐ)	Ngoại ngữ	Ghi chú
523	411409	Lê Anh Việt	300000	Anh văn	
524	411410	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	300000	Anh văn	
525	411411	Hoàng Thị Hồng Nhung	300000	Anh văn	
526	411415	Âu Thúy Hằng	300000	Nga văn	
527	411416	Lệnh Kim Tuyền	300000	Trung văn	
528	411417	Hoàng Thị Thu Huyền	300000	Trung văn	
529	411420	Lê Thị Thuý Kiều	300000	Anh văn	
530	411421	Nhữ Vi Bích Ngọc	300000	Anh văn	
531	411423	Đỗ Thị Nhài	300000	Trung văn	
532	411425	Phạm Thị Thu Thảo	300000	Nga văn	
533	411426	Nguyễn Việt Hà	300000	Trung văn	
534	411427	Sâm Thị Ngọc Anh	300000	Nga văn	
535	411429	Thái Thị Hà	300000	Anh văn	
536	411431	Lý Thị Hồng Nhung	300000	Anh văn	
537	411433	Trần Thị Thúy Quỳnh	300000	Anh văn	
538	411437	Tạ Thảo My	300000	Trung văn	
539	411438	Nguyễn Thị Hương	300000	Anh văn	
540	411440	Bùi Thị Hoan	300000	Anh văn	
541	411442	Phạm Hoàng Anh	300000	Anh văn	
542	411443	Lê Thị Hải Đăng	300000	Anh văn	
543	411446	Ngô Đăng Châu Anh	300000	Anh văn	
544	411447	Nguyễn Thị Bích Nguyệt	300000	Trung văn	
545	411451	Đỗ Thanh Mai	300000	Trung văn	
546	411453	Đinh Thị Khánh Ly	300000	Trung văn	
547	411454	Hoàng Thị Bình Minh	300000	Trung văn	
548	411455	Nông Thị Đới	300000	Trung văn	
549	411456	Nguyễn Văn Thuộc	300000	Anh văn	
550	411502	Thịnh Mai Giang	300000	Anh văn	
551	411503	Đinh Quang Huy	300000	Anh văn	
552	411507	Nguyễn Thị Thanh Trang	300000	Anh văn	
553	411508	Lê Minh Anh	300000	Trung văn	
554	411510	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	300000	Anh văn	
555	411512	Phan Duy Khánh	300000	Anh văn	
556	411513	Trần Việt Huỳnh	300000	Anh văn	
557	411514	Trần Thị Hải	300000	Anh văn	
558	411515	Trương Diệp Linh	300000	Anh văn	
559	411516	Đỗ Thị Nhung	300000	Anh văn	
560	411517	Hà Thị Xuyên	300000	Trung văn	
561	411519	Lê Thị Hoài	300000	Anh văn	
562	411520	Nguyễn Thu Hằng	300000	Anh văn	
563	411521	Tô Thị Hậu	300000	Trung văn	
564	411522	Hoàng Thị Hà My	300000	Nga văn	
565	411523	Nguyễn Thị Thanh Vân	300000	Anh văn	
566	411524	Lê Thị Thắm	300000	Nga văn	
567	411525	Nguyễn Thị Thủy	300000	Nga văn	
568	411526	Ma Thị Bích	300000	Nga văn	
569	411527	Nguyễn Linh Chi	300000	Nga văn	
570	411528	Nguyễn Hải An	300000	Anh văn	

STT	MSV	Họ tên	Số tiền (VNĐ)	Ngoại ngữ	Ghi chú
571	411530	Nông Thị Hiền Anh	300000	Trung văn	
572	411531	Phạm Thị Thuý Quỳnh	300000	Anh văn	
573	411532	Đặng Hải My	300000	Nga văn	
574	411538	Lê Thị Hồng Ngát	300000	Anh văn	
575	411539	Nguyễn Thị Tuyết Minh	300000	Anh văn	
576	411542	Nguyễn Thị Vân Anh	300000	Anh văn	
577	411546	Đỗ Phương Lâm	300000	Anh văn	
578	411552	Bùi Mỹ Hạnh	300000	Anh văn	
579	411554	Bùi Thu Hằng	300000	Anh văn	
580	411601	Trần Thị Hà	300000	Anh văn	
581	411602	Nguyễn Thị Tổ Uyên	300000	Trung văn	
582	411603	Nguyễn Thu Trang	300000	Trung văn	
583	411604	Bùi Thanh Tùng	300000	Anh văn	
584	411605	Trần Thị Huyền	300000	Anh văn	
585	411606	Đoàn Xuân Tùng	300000	Anh văn	
586	411609	Nguyễn Thị Thuý Dương	300000	Trung văn	
587	411610	Vũ Thị Thanh Thủy	300000	Trung văn	
588	411611	Phạm Thị Hoài	300000	Trung văn	
589	411612	Nguyễn Thị Khánh Linh	300000	Anh văn	
590	411614	Phạm Thùy Linh	300000	Trung văn	
591	411615	Hà Thị Thu Hiền	300000	Trung văn	
592	411617	Dương Thị Nhung	300000	Trung văn	
593	411618	Nguyễn Thị Huyền	300000	Anh văn	
594	411619	Nguyễn Thị Lơ	300000	Nga văn	
595	411620	Nguy Linh Chi	300000	Trung văn	
596	411622	Lê Thị Ngọc ánh	300000	Anh văn	
597	411624	Bùi Thùy Trang	300000	Trung văn	
598	411625	Ngô Thu Hường	300000	Trung văn	
599	411627	Hoàng Minh Thủy	300000	Nga văn	
600	411628	Phan Hoàng Anh	300000	Anh văn	
601	411630	Phan Thị Bình Minh	300000	Nga văn	
602	411633	Trần Thảo Ngọc	300000	Anh văn	
603	411635	Lương Mạnh Tùng	300000	Anh văn	
604	411638	Lại Chi Phương	300000	Anh văn	
605	411640	Trần Thị Hoài Hương	300000	Trung văn	
606	411642	Nguyễn Nữ Tú Linh	300000	Trung văn	
607	411644	Vũ Thị Mai Hương	300000	Nga văn	
608	411650	Lương Thị Dung	300000	Anh văn	
609	411652	Nguyễn Việt Hồng	300000	Anh văn	
610	411653	Sầm Thị Ngọc Hà	300000	Trung văn	
611	411655	Triệu Thị Viên	300000	Trung văn	
612	411707	Lê Xuân Diễm	300000	Anh văn	
613	411709	Nguyễn Thị Phương Anh	300000	Nga văn	
614	411712	Nguyễn Đức Huy	300000	Anh văn	
615	411713	Phan Thị Dương	300000	Anh văn	
616	411718	Vũ Văn Toàn	300000	Anh văn	
617	411725	Phạm Thị Bích Lan	300000	Trung văn	
618	411726	Dương Thị Dung	300000	Anh văn	

STT	MSV	Họ tên	Số tiền (VNĐ)	Ngoại ngữ	Ghi chú
619	411728	Nguyễn Thị Lê Thu	300000	Anh văn	
620	411730	Tổng Gia Huê	300000	Trung văn	
621	411731	Trương Vũ Ngọc ánh	300000	Anh văn	
622	411732	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	300000	Anh văn	
623	411734	Trịnh Thanh Thanh	300000	Anh văn	
624	411736	Phan Thị Ngọc ánh	300000	Anh văn	
625	411737	Phạm Thị Hương	300000	Anh văn	
626	411739	Nông Thùy Dung	300000	Anh văn	
627	411741	Lê Thị Văn	300000	Anh văn	
628	411746	Đỗ Thị Huyền Trang	300000	Anh văn	
629	411747	Nguyễn Thị Ngọc Hà	300000	Trung văn	
630	411748	Hoàng Hà Thảo Lan	300000	Anh văn	
631	411750	Trần Thị Thanh Hằng	300000	Nga văn	
632	411751	Hạng Thị Pàng	300000	Anh văn	
633	411804	Hồ Thị Hiếu	300000	Trung văn	
634	411806	Lê Thị Giang	300000	Anh văn	
635	411810	Đào Thị Hải Châu	300000	Anh văn	
636	411814	Nguyễn Hải Yến	300000	Trung văn	
637	411815	Nguyễn Hữu Phát	300000	Anh văn	
638	411820	Nguyễn Minh Thi	300000	Anh văn	
639	411821	Hà Anh Dũng	300000	Anh văn	
640	411824	Nguyễn Thị Ngân	300000	Anh văn	
641	411831	Hoàng Thị Hoa	300000	Anh văn	
642	411832	Nguyễn Thị Lan Anh	300000	Trung văn	
643	411834	Linh Thanh Hoài	300000	Trung văn	
644	411835	Nguyễn Thị Giang	300000	Nga văn	
645	411838	Phùng Thị Len	300000	Nga văn	
646	411839	Bé Khánh Hường	300000	Trung văn	
647	411840	Lê Thị Thu Trang	300000	Anh văn	
648	411841	Quách Thị Hồng Thảo	300000	Nga văn	
649	411843	Vũ Thị Hiền	300000	Anh văn	
650	411845	Chu Thị Bích Loan	300000	Trung văn	
651	411847	Nguyễn Hương Mai	300000	Anh văn	
652	411848	Hứa Thị Ngọc Bích	300000	Anh văn	
653	411849	Ngô Thị Thúy	300000	Anh văn	
654	411850	Phan Thị Diễm	300000	Trung văn	
655	411851	Quảng Văn Kéo	300000	Nga văn	
656	411852	Phạm Linh Trang	300000	Trung văn	
657	411854	Dương Thị Tâm	300000	Trung văn	
658	411855	Lê Văn Anh	300000	Trung văn	
659	411901	Lê Thanh Hằng	300000	Trung văn	
660	411908	Lê Khánh Ly	300000	Anh văn	
661	411910	Đoàn Thị Hoàn	300000	Nga văn	
662	411911	Trần Anh Tuấn	300000	Anh văn	
663	411912	Hoàng Thị Diệu	300000	Anh văn	
664	411913	Phan Văn Nghĩa	300000	Nga văn	
665	411917	Phí Công Đông	300000	Anh văn	
666	411918	Phan Thị Hường	300000	Trung văn	

STT	MSV	Họ tên	Số tiền (VNĐ)	Ngoại ngữ	Ghi chú
667	411920	Nguyễn Thị Tuyết	300000	Trung văn	
668	411921	Phạm Khánh Linh	300000	Anh văn	
669	411926	Nguyễn Thị Vân Anh	300000	Anh văn	
670	411928	Đỗ Thị Quyên	300000	Anh văn	
671	411929	Bùi Thị Lan	300000	Anh văn	
672	411931	Đinh Thị Thanh Ngân	300000	Anh văn	
673	411933	Quyết Thị Thu Loan	300000	Anh văn	
674	411934	Lê Thị Thanh Hoa	300000	Anh văn	
675	411935	Lê Thị Phương Thảo	300000	Anh văn	
676	411936	Mùa Thị Khánh Chi	300000	Anh văn	
677	411943	Hoàng Đức Anh	300000	Anh văn	
678	411946	Nguyễn Thị Minh Huyền	300000	Anh văn	
679	411950	Nguyễn Diệu Thu	300000	Nga văn	
680	411953	Hứa Thị Kiều	300000	Trung văn	
681	411954	Nông Thị Kim Trâm	300000	Anh văn	
682	412001	Đinh Ngọc Khánh	300000	Anh văn	
683	412002	Phạm Thị Bích Hào	300000	Anh văn	
684	412003	Nguyễn Văn Phương	300000	Anh văn	
685	412005	Lê Thị Trang	300000	Trung văn	
686	412006	Đỗ Văn Nam	300000	Anh văn	
687	412007	Nguyễn Anh Tú	300000	Anh văn	
688	412008	Vũ Thị Thu Trang	300000	Anh văn	
689	412009	Đỗ Văn Thụ	300000	Anh văn	
690	412010	Trịnh Khánh Ly	300000	Anh văn	
691	412012	Nguyễn Hoài Thu	300000	Anh văn	
692	412013	Nguyễn Thị Hằng Nga	300000	Nga văn	
693	412014	Lò Thị Diệp	300000	Nga văn	
694	412016	Bùi Thị Thanh Huyền	300000	Nga văn	
695	412017	Phạm Thị Quỳnh Trang	300000	Anh văn	
696	412019	Lò Thị Phương Linh	300000	Anh văn	
697	412020	Dương Thị Hà	300000	Trung văn	
698	412022	Lý Thị ánh Tuyết	300000	Trung văn	
699	412023	Lý Ngọc ánh	300000	Anh văn	
700	412026	Nguyễn Thúy Nga	300000	Anh văn	
701	412028	Bùi Thị Hà An	300000	Anh văn	
702	412029	Nguyễn Thị Đào	300000	Trung văn	
703	412030	Đàm Khánh Dương	300000	Anh văn	
704	412033	Lê Thị Mỹ Linh	300000	Anh văn	
705	412034	Nguyễn Thị Thu	300000	Trung văn	
706	412035	Nguyễn Tuấn Anh	300000	Anh văn	
707	412037	Lưu Thị Ngọc Mai	300000	Anh văn	
708	412039	Vũ Mai Anh	300000	Anh văn	
709	412040	Nguyễn Thị Minh Phương	300000	Anh văn	
710	412042	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	300000	Anh văn	
711	412045	Nguyễn Văn Dương	300000	Anh văn	
712	412047	Bùi Thị Trúc Quyên	300000	Anh văn	
713	412050	Đặng Thu Uyên	300000	Anh văn	
714	412051	Hồ Thị Nhung	300000	Trung văn	

STT	MSV	Họ tên	Số tiền (VNĐ)	Ngoại ngữ	Ghi chú
715	412052	Hoàng Văn Chiến	300000	Anh văn	
716	412053	Ma Thị Nguyên	300000	Trung văn	
717	412054	Phạm Thục Nguyên	300000	Trung văn	
718	412101	Lê Mạnh Cường	300000	Anh văn	
719	412102	Nguyễn Thị Vân Anh	300000	Anh văn	
720	412103	Dương Thị ánh Tuyết	300000	Trung văn	
721	412104	Nghiêm Văn Vượng	300000	Trung văn	
722	412107	Đinh Thu Hà	300000	Anh văn	
723	412108	Phạm Thị Nụ	300000	Trung văn	
724	412112	Nguyễn Thị Thu Hằng	300000	Anh văn	
725	412113	Nguyễn Ngọc Thiêm	300000	Anh văn	
726	412114	Hoàng Anh Ngọc	300000	Nga văn	
727	412116	Nguyễn Thu Hà	300000	Anh văn	
728	412117	Trần Thị Hồng Lê	300000	Anh văn	
729	412119	Cà Thị Phần	300000	Anh văn	
730	412126	Lý Thị Toán	300000	Anh văn	
731	412127	Phạm Hoàng Yên	300000	Anh văn	
732	412128	Nguyễn Huyền Diệu	300000	Anh văn	
733	412130	Mùi Thị Duyên Đào	300000	Nga văn	
734	412135	Nguyễn Trung Kiên	300000	Anh văn	
735	412137	Đỗ Thị Vân Anh	300000	Anh văn	
736	412138	Lê Bảo Châu	300000	Anh văn	
737	412141	Mai Gia Linh	300000	Anh văn	
738	412146	Trần Hương Ly	300000	Anh văn	
739	412147	Mạc Hồng Hiệp	300000	Anh văn	
740	412148	Nguyễn Thị Thương	300000	Anh văn	
741	412150	Lê Sa Trà My	300000	Anh văn	
742	412151	Bé Thị Huế	300000	Trung văn	
743	412152	Bùi Thị Trang	300000	Anh văn	
744	412153	Nguyễn Thị Anh Thư	300000	Trung văn	
745	412154	Lò Văn Thủy	300000	Anh văn	
746	412155	Nguyễn Thị Thanh Nga	300000	Trung văn	
747	412156	Phạm ái Linh	300000	Anh văn	
748	412157	Đoàn Thị Nhi	300000	Anh văn	
749	412158	Nguyễn Sỹ Thịnh	300000	Anh văn	
750	412201	Ngô Mai Hoa	300000	Trung văn	
751	412203	Trần Thị Thảo	300000	Anh văn	
752	412204	Lê Ngọc Linh	300000	Anh văn	
753	412209	Nguyễn Thị Huyền Trang	300000	Trung văn	
754	412210	Nguyễn Thị Huệ	300000	Anh văn	
755	412213	Phạm Thị Thu Huyền	300000	Anh văn	
756	412214	Hoàng Hải Ngân	300000	Anh văn	
757	412215	Nông Thị Trang	300000	Anh văn	
758	412216	Tổng Mỹ Linh	300000	Anh văn	
759	412219	Hoàng Thị Sinh	300000	Anh văn	
760	412220	Bùi Phương Hà	300000	Trung văn	
761	412222	Hoàng Thị Bé Ngân	300000	Trung văn	
762	412224	Nguyễn Xuân Lộc	300000	Anh văn	

STT	MSV	Họ tên	Số tiền (VNĐ)	Ngoại ngữ	Ghi chú
763	412226	Nguyễn Khánh Linh	300000	Nga văn	
764	412227	Hoàng Thị Nhã	300000	Trung văn	
765	412228	Lê Thị Lan Anh	300000	Trung văn	
766	412230	Leo Thị Hồng	300000	Trung văn	
767	412231	Vũ Thùy Linh	300000	Anh văn	
768	412234	Nguyễn Thị Thu Thảo	300000	Anh văn	
769	412235	Nguyễn Thị Giang	300000	Anh văn	
770	412238	Nguyễn Thị Lam Linh	300000	Anh văn	
771	412239	Lê Thị Phương Thảo	300000	Anh văn	
772	412244	Điêu Thị Trà My	300000	Anh văn	
773	412245	Nguyễn Duy Hoàn	300000	Anh văn	
774	412247	Bùi Lê Thu Hà	300000	Anh văn	
775	412248	Vũ Minh Phương	300000	Anh văn	
776	412249	Nguyễn Quỳnh Chi	300000	Anh văn	
777	412252	Vừ A Phong	300000	Nga văn	
778	412253	Nguyễn Khánh Huyền	300000	Trung văn	
779	412254	Giàng Seo Quáng	300000	Nga văn	
780	412255	Bùi Thị Nhung	300000	Nga văn	
781	412302	Vũ Hồng Nhung	300000	Trung văn	
782	412304	Phạm Tổ Uyên	300000	Anh văn	
783	412308	Hoàng Hải Hưng	300000	Anh văn	
784	412311	Lê Thị Thoa	300000	Trung văn	
785	412313	Nông Thị Hương	300000	Trung văn	
786	412316	Hoàng Thị Thanh Huyền	300000	Anh văn	
787	412319	Nông Đoàn Thu Hiền	300000	Anh văn	
788	412323	Tô Thị Vân Thanh	300000	Anh văn	
789	412328	Nông Thị Thảo Vi	300000	Trung văn	
790	412329	Nguyễn Thị Minh Thu	300000	Trung văn	
791	412331	Ngô Thị Khánh Linh	300000	Trung văn	
792	412334	Đinh Thủy Quỳnh	300000	Anh văn	
793	412335	Phạm Ngọc Huyền Trang	300000	Trung văn	
794	412336	Phan Thị Thanh Dung	300000	Trung văn	
795	412337	Nguyễn Như Quỳnh	300000	Anh văn	
796	412339	Dương Thị Mai Anh	300000	Anh văn	
797	412340	Trần Minh Hằng	300000	Trung văn	
798	412341	Viên Đình Trung	300000	Anh văn	
799	412342	Lý Huyền Trang	300000	Trung văn	
800	412343	Phùng Quang Hào	300000	Anh văn	
801	412347	Hoàng Thị Huyền	300000	Anh văn	
802	412349	Lê Thị Uyên	300000	Trung văn	
803	412351	Bùi Hải Uyên	300000	Trung văn	
804	412352	Đinh Kiều Anh	300000	Anh văn	
805	412357	Triệu Thị Ngọc Liễu	300000	Trung văn	
806	412401	Ma Thị Thương	300000	Trung văn	
807	412403	Lê Hà Anh	300000	Trung văn	
808	412405	Lê Hải Vân	300000	Anh văn	
809	412407	Nguyễn Quỳnh Ngọc	300000	Anh văn	
810	412409	Lê Quỳnh Mai	300000	Anh văn	

STT	MSV	Họ tên	Số tiền (VNĐ)	Ngoại ngữ	Ghi chú
811	412411	Phạm Thị Lê Vy	300000	Anh văn	
812	412412	Bùi Thúy Hiền	300000	Anh văn	
813	412413	Hoàng Thị Trung	300000	Trung văn	
814	412415	Trần Thị Phương Thảo	300000	Anh văn	
815	412416	Nguyễn Thị ánh	300000	Anh văn	
816	412417	Đỗ Văn Anh	300000	Anh văn	
817	412418	Mông Lý Hạ Uyên	300000	Trung văn	
818	412419	Võ Thị Trinh	300000	Anh văn	
819	412421	Hoàng Thành Đạt	300000	Anh văn	
820	412422	Vi Thị Chiên	300000	Anh văn	
821	412425	Ngô Thị Khánh Huyền	300000	Anh văn	
822	412427	Hồ Thị Mỹ	300000	Anh văn	
823	412428	Hoàng Thị Thu Trang	300000	Anh văn	
824	412429	Hoàng Mai Diệp Linh	300000	Anh văn	
825	412430	Hoàng Võ Quý	300000	Anh văn	
826	412431	Vũ Dương Trà My	300000	Anh văn	
827	412432	Đặng Lan Anh	300000	Anh văn	
828	412433	Vũ Thùy Dung	300000	Anh văn	
829	412434	Nguyễn Thanh Thảo	300000	Anh văn	
830	412435	Lê Vi Linh	300000	Anh văn	
831	412437	Hà Thảo Anh	300000	Anh văn	
832	412438	Bùi Minh Anh	300000	Anh văn	
833	412439	Vũ Huyền Linh	300000	Anh văn	
834	412442	Bé Bích Diệp	300000	Anh văn	
835	412443	Nông Thị Mai	300000	Anh văn	
836	412445	Phan Thị Quý	300000	Anh văn	
837	412446	Lê Thị Thanh Mai	300000	Anh văn	
838	412447	Nguyễn Thị Hải Yến	300000	Anh văn	
839	412449	Nguyễn Phương Thảo	300000	Anh văn	
840	412450	Vũ Thảo Trang	300000	Anh văn	
841	412451	Bùi Ngọc Anh	300000	Anh văn	
842	412453	Phạm Hồng Nhung	300000	Anh văn	
843	412454	Nông Huyền Trang	300000	Anh văn	
844	412455	Phan Lê Quỳnh Trang	300000	Anh văn	
845	412457	Phạm Thị Cúc	300000	Anh văn	
846	412458	Lê Anh Tuấn	300000	Anh văn	
847	412459	Lê Thị Linh Tâm	300000	Anh văn	
848	412501	Hoàng Thanh Thúy	300000	Anh văn	
849	412502	Lý Thạch Thảo	300000	Anh văn	
850	412503	Lê Hương Giang	300000	Anh văn	
851	412504	Nguyễn Phương Anh	300000	Anh văn	
852	412505	Trần Minh Châu	300000	Trung văn	
853	412507	Hoàng Anh	300000	Anh văn	
854	412509	Nguyễn Thanh Huyền	300000	Anh văn	
855	412511	Lê Thị Phương	300000	Trung văn	
856	412514	Hà Dương Thu	300000	Trung văn	
857	412517	Lê Minh Hùng	300000	Anh văn	
858	412518	Nguyễn Thị Hồng Minh	300000	Anh văn	

STT	MSV	Họ tên	Số tiền (VNĐ)	Ngoại ngữ	Ghi chú
859	412519	Hoàng Thị Thủy	300000	Trung văn	
860	412521	La Khánh Hoài	300000	Trung văn	
861	412523	Đỗ Văn Hiếu	300000	Anh văn	
862	412528	Phạm Minh Hoàng	300000	Anh văn	
863	412529	Đỗ Khánh Duy	300000	Anh văn	
864	412530	Vũ Phương Mai	300000	Trung văn	
865	412531	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	300000	Trung văn	
866	412534	Từ Huệ Anh	300000	Anh văn	
867	412535	Đặng Thị Hiền	300000	Anh văn	
868	412536	Lê Thị Trang	300000	Anh văn	
869	412537	Vũ Xuân Minh	300000	Anh văn	
870	412539	Phạm Văn Hiếu	300000	Anh văn	
871	412543	Nông Thị Yến Nhi	300000	Trung văn	
872	412545	Hà Huyền Lương	300000	Anh văn	
873	412547	Nguyễn Thị Lan Anh	300000	Anh văn	
874	412548	Hoàng Thị Lam	300000	Anh văn	
875	412550	Bùi Thị Tố Uyên	300000	Anh văn	
876	412553	Lưu Văn Thành	300000	Anh văn	
877	412556	Bế Thị Thu Thảo	300000	Trung văn	
878	412558	Vy Thị Thùy Linh	300000	Trung văn	
879	412559	Chăng Kiều Hoài	300000	Trung văn	
880	412601	Nguyễn Thu Uyên	300000	Anh văn	
881	412605	Nguy Thị Tâm	300000	Anh văn	
882	412606	Hoàng Thị Kiều Dân	300000	Anh văn	
883	412608	Nguyễn Thị Hà	300000	Anh văn	
884	412609	Lô Văn Duy	300000	Anh văn	
885	412610	Nguyễn Thị Mai Phương	300000	Anh văn	
886	412611	Bùi Đan Linh	300000	Anh văn	
887	412613	Phạm Thị Diệu	300000	Trung văn	
888	412614	Phương Thị Hảo	300000	Trung văn	
889	412615	Triệu Quỳnh Trang	300000	Anh văn	
890	412620	Phạm Bích Phương	300000	Anh văn	
891	412621	Nguyễn Mạnh Trung	300000	Anh văn	
892	412623	Nông Thị Thu	300000	Trung văn	
893	412624	Hồ Thị Ngọc Bích	300000	Trung văn	
894	412627	Trần Thị Khánh Huyền	300000	Anh văn	
895	412628	Lê Đặng Tú Quyên	300000	Anh văn	
896	412629	Nguyễn Kiều Trang	300000	Anh văn	
897	412630	Trần Trọng Bắc	300000	Anh văn	
898	412631	Lê Thị Hương Phú	300000	Anh văn	
899	412634	Đinh Mỹ Hạnh	300000	Trung văn	
900	412636	Nguyễn Thị Minh Tâm	300000	Trung văn	
901	412637	Hoàng Thị Duyên	300000	Anh văn	
902	412641	Triệu Thu Hằng	300000	Trung văn	
903	412646	Vương Thị Oanh	300000	Anh văn	
904	412648	Đỗ Diệu Ly	300000	Anh văn	
905	412650	Nguyễn Thị Bích Vân	300000	Anh văn	
906	412651	Hà Hải Thương	300000	Anh văn	

STT	MSV	Họ tên	Số tiền (VNĐ)	Ngoại ngữ	Ghi chú
907	412653	Khổng Thu Hương	300000	Anh văn	
908	412654	Bùi Khánh Huyền	300000	Trung văn	
909	412655	Nguyễn Phương Mai	300000	Trung văn	
910	412656	Lường Văn Huy	300000	Anh văn	
911	412658	Dương Mạc Thúy Nga	300000	Trung văn	
912	412701	Lê Thanh Hương	300000	Anh văn	
913	412704	Nguyễn Thị Phương Anh	300000	Anh văn	
914	412711	Chu Thị Phương Mai	300000	Anh văn	
915	412712	Bùi Thị Ngọc Hà	300000	Anh văn	
916	412713	Phùng Minh Hiền	300000	Anh văn	
917	412715	Nguyễn Thị Phương Lan	300000	Anh văn	
918	412716	Ngô Phương Nga	300000	Anh văn	
919	412717	Nguyễn Thị Ngọc Khánh	300000	Anh văn	
920	412719	Lưu Thị Thu Giang	300000	Anh văn	
921	412730	Nguyễn Thanh Nga	300000	Anh văn	
922	412731	Nguyễn Khánh Ly	300000	Anh văn	
923	412733	Vũ Hoàng Linh Chi	300000	Anh văn	
924	412734	Nguyễn Thị Phương Linh	300000	Anh văn	
925	412737	Vũ Kim Dung	300000	Anh văn	
926	412743	Cao Thị Tâm	300000	Anh văn	
927	412745	Hồ Thị Khánh Vân	300000	Anh văn	
928	412751	Vũ Thu Phương	300000	Anh văn	
929	412803	Vũ Trà Giang	300000	Anh văn	
930	412805	Đỗ Kim Ngân	300000	Anh văn	
931	412818	Nguyễn Thị Huyền	300000	Anh văn	
932	412820	Phạm Khánh Huyền	300000	Anh văn	
933	412844	Trần Ngọc Anh	300000	Anh văn	
934	412901	Phạm Văn Quang	300000	Anh văn	
935	412902	Đào Thị Thu Trang	300000	Anh văn	
936	412903	Bùi Minh Thông	300000	Anh văn	
937	412904	Nguyễn Trung Kiên	300000	Anh văn	
938	412905	Trần Xuân Trung	300000	Anh văn	
939	412906	Lê Thị Loan	300000	Anh văn	
940	412907	Hoàng Thê Vinh	300000	Anh văn	
941	412909	Lê Cẩm Huyền Trang	300000	Anh văn	
942	412910	Vương Kiều Linh	300000	Anh văn	
943	412912	Phạm Thị Thanh Vân	300000	Anh văn	
944	412915	Lý Thị Giang	300000	Anh văn	
945	412919	Đỗ Thị Bạch Dương	300000	Anh văn	
946	412923	Dương Minh Thảo	300000	Anh văn	
947	412924	Hà Hồng Nhung	300000	Anh văn	
948	412925	Nguyễn Hà Phương	300000	Anh văn	
949	412927	Trần Minh Trang	300000	Anh văn	
950	412930	Lê Thị Ngọc Mai	300000	Anh văn	
951	412931	Nguyễn Thị Phương Anh	300000	Anh văn	
952	413001	Nguyễn Văn Nam	300000	Anh văn	
953	413002	Nguyễn Minh Công	300000	Anh văn	
954	413003	Phạm Hải Long	300000	Anh văn	

STT	MSV	Họ tên	Số tiền (VNĐ)	Ngoại ngữ	Ghi chú
955	413004	Nguyễn Minh Hà	300000	Anh văn	
956	413005	Nguyễn Quang Huy	300000	Anh văn	
957	413007	Ngô Trường Sơn	300000	Anh văn	
958	413008	Lê Thị Yến	300000	Anh văn	
959	413009	Đặng Thị Thúy Hằng	300000	Anh văn	
960	413010	Trần Thị Mai Phương	300000	Anh văn	
961	413011	Diêm Thị Thu Trang	300000	Anh văn	
962	413015	Đặng Minh Anh	300000	Anh văn	
963	413018	Vũ Trung Hiếu	300000	Anh văn	
964	413021	Nguyễn Thị Minh Hạnh	300000	Anh văn	
965	413022	Vũ Bảo Ly	300000	Anh văn	
966	413024	Phạm Thu Thủy	300000	Anh văn	
967	413101	Tô Anh Thư	300000	Anh văn	
968	413102	Vũ Thị Thúy	300000	Anh văn	
969	413105	Lê Thị Ngân	300000	Anh văn	
970	413108	Trần Thảo Nhi	300000	Anh văn	
971	413110	Vì Thị Minh Huệ	300000	Anh văn	
972	413111	Lê Thị Bảo Minh	300000	Anh văn	
973	413114	Phan Thị Thu Hiền	300000	Anh văn	
974	413116	Phạm Thị Hồng Nhung	300000	Anh văn	
975	413117	Lê Thùy Dương	300000	Anh văn	
976	413118	Nguyễn Phương Anh	300000	Anh văn	
977	413119	Nguyễn Thị Thu Huyền	300000	Anh văn	
978	413120	Trần Thị Luyến	300000	Anh văn	
979	413122	Nguyễn Phương Linh	300000	Anh văn	
980	413124	Đỗ Thị Quỳnh	300000	Anh văn	
981	413125	Nguyễn Phương Thảo	300000	Anh văn	
982	413126	Trần Minh Anh	300000	Anh văn	
983	413127	Hồ Mai Chi	300000	Anh văn	
984	413128	Nguyễn Ngọc Diệp	300000	Anh văn	
985	413130	Hà Minh Thiện	300000	Anh văn	
986	413132	Nguyễn Thúy Ngân	300000	Anh văn	
987	413133	Đoàn Ngọc Hà	300000	Anh văn	
988	413201	Nguyễn Trung Hiếu	300000	Anh văn	
989	413203	Vũ Thị Thúy Hà	300000	Anh văn	
990	413206	Nguyễn Cẩm Linh	300000	Anh văn	
991	413207	Nguyễn Phương Thảo	300000	Anh văn	
992	413208	Hà Thị Trang	300000	Anh văn	
993	413210	Bùi Nhật Linh	300000	Anh văn	
994	413216	Đỗ Tiến Đạt	300000	Anh văn	
995	413217	Trần Trung Hiếu	300000	Anh văn	
996	413218	Lê Tùng Lâm	300000	Anh văn	
997	413219	Đặng Thanh Xuân	300000	Anh văn	
998	413220	Đỗ Ngọc Mai	300000	Anh văn	
999	413222	Hoàng Bá Hiệp	300000	Anh văn	
1000	413223	Đào Trọng Duy	300000	Anh văn	
1001	413224	Đặng Thị Thương	300000	Anh văn	
1002	413227	Trần Thị Bích Thủy	300000	Anh văn	

STT	MSV	Họ tên	Số tiền (VNĐ)	Ngoại ngữ	Ghi chú
1003	413228	Nguyễn Phương Ngân	300000	Anh văn	
1004	413230	Nguyễn Ngọc Thạch	300000	Anh văn	
1005	413232	Hoàng Kim Thanh	300000	Anh văn	
1006	413233	Trương Thị Lan Anh	300000	Anh văn	
1007	420301	Nông Thị Thiết	300000	Anh văn	
1008	420462	Bùi Tiến Trường	300000	Anh văn	
1009	420528	Lê Bích Ngọc	300000	Anh văn	
1010	420604	Nông Đức Luân	300000	Trung văn	
1011	420643	Nguyễn Hải Như Quỳnh	300000	Anh văn	
1012	420651	Trương Thị Nhung	300000	Anh văn	
1013	420652	Đỗ Minh Hòa	300000	Anh văn	
1014	420656	Vũ Kiều Chinh	300000	Anh văn	
1015	420663	Phạm Quang Linh	300000	Nga văn	
1016	420764	Kiều Văn Quý	300000	Nga văn	
1017	420815	Nguyễn Thu Trang	300000	Anh văn	
1018	420822	Trần Dương Hiệp	300000	Anh văn	
1019	420864	Nguyễn Thành Dũng	300000	Nga văn	
1020	420941	Đào Vũ Quang Huy	300000	Anh văn	
1021	420946	Nguyễn Thị Thu Hạnh	300000	Anh văn	
1022	420957	Ninh Tú Anh	300000	Anh văn	
1023	420966	Bùi Đức Hoàng	300000	Nga văn	
1024	421019	Vũ Văn Trọng	300000	Anh văn	
1025	421020	Nguyễn Hồng Anh	300000	Anh văn	
1026	421023	Hoàng Thị Lan Hương	300000	Anh văn	
1027	421024	Nguyễn Thùy Dương	300000	Trung văn	
1028	421030	Nguyễn Thị Khánh Huyền	300000	Anh văn	
1029	421048	Lê Thị Diệu Linh	300000	Anh văn	
1030	421049	Nguyễn Thị Thanh Huyền	300000	Anh văn	
1031	421053	Đỗ Thị Phương Thảo	300000	Anh văn	
1032	421064	Trần Văn Tùng	300000	Nga văn	
1033	421164	Ngô Văn Trường	300000	Nga văn	
1034	421265	Hoàng Trung Kiên	300000	Nga văn	
1035	421324	Nguyễn Thanh Huyền	300000	Anh văn	
1036	421331	Xuân Thị ái	300000	Nga văn	
1037	421345	Hoàng Lan	300000	Anh văn	
1038	421364	Nguyễn Phi Hùng	300000	Nga văn	
1039	421401	Bê Hải Khanh	300000	Trung văn	
1040	421464	Nguyễn Bá Thông	300000	Nga văn	
1041	421547	Nguyễn Lê Thuý Phương	300000	Anh văn	
1042	421564	Nguyễn Cảnh Huy	300000	Nga văn	
1043	421621	Lê Thị Lan Anh	300000	Nga văn	
1044	421665	Nguyễn Văn Quang	300000	Anh văn	
1045	421720	Nguyễn Hoàng Đức	300000	Anh văn	
1046	421732	Nguyễn Thanh Tĩnh	300000	Nga văn	
1047	421763	Nguyễn Thị Uyên	300000	Anh văn	
1048	421864	Hoàng Thị Dịu	300000	Anh văn	
1049	421905	Tổng Hoàng Dương	300000	Trung văn	
1050	421908	Đinh Thị Ngọc ánh	300000	Nga văn	

STT	MSV	Họ tên	Số tiền (VNĐ)	Ngoại ngữ	Ghi chú
1051	421915	Trần Thị Bạch Lê	300000	Anh văn	
1052	421916	Đông Thị Mỹ Quỳnh	300000	Anh văn	
1053	421941	Mã Thu Trang	300000	Trung văn	
1054	421961	Giàng Thu Giang	300000	Nga văn	
1055	422015	Hoàng Thị Soan	300000	Nga văn	
1056	422036	Nguyễn Thị Thanh Huyền	300000	Anh văn	
1057	422104	Nguyễn Thị Kim Ngân	300000	Anh văn	
1058	422112	Phạm Thị Thoa	300000	Trung văn	
1059	422132	Đỗ Minh Trường	300000	Anh văn	
1060	422133	Trần Thu Thủy	300000	Anh văn	
1061	422148	Trần Cẩm Vân	300000	Trung văn	
1062	422219	Phùng Đức Phong	300000	Anh văn	
1063	422229	Bùi Phương Anh	300000	Anh văn	
1064	422262	Phá A Dềnh	300000	Anh văn	
1065	422337	Nguyễn Thanh Nhân	300000	Anh văn	
1066	422714	Nguyễn Ngọc Linh	300000	Anh văn	
1067	422716	Vũ Thu Hà	300000	Anh văn	
1068	422739	Phạm Ngân Hà Linh	300000	Anh văn	
1069	423432	Nguyễn Thị Minh Hằng	300000	Anh văn	
1070	423434	Lê Quỳnh Anh	300000	Anh văn	
1071	423437	Đỗ Huy Hoàng	300000	Anh văn	
1072	423443	Phạm Thanh Tâm	300000	Anh văn	
1073	LTCQ0146	Hoàng Lệ Thủy	300000	Trung văn	
1074	LTCQ0204	Hà Công Thuận	300000	Anh văn	
1075	LTCQ0207	Hoàng Minh Hiếu	300000	Anh văn	
1076	412744	Đặng Ngọc Linh		Anh văn	Hoãn thi đợt 01/2020
1077	412307	Chu Thị Thu Hà		Anh văn	Hoãn thi đợt 01/2020
1078	410707	Nguyễn Thị Thanh Hiền		Anh văn	Hoãn thi đợt 01/2020
1079	412237	Phạm Nguyễn Hà Trang		Anh văn	Hoãn thi đợt 01/2020
1080	402310	Lê Anh Sáng		Nga văn	Hoãn thi đợt 07/2019
1081	400753	Bùi Chính Nghĩa		Trung văn	Hoãn thi đợt 07/2019
1082	LTCQ0116	Hoàng Thị Hòa		Trung văn	Hoãn thi đợt 07/2019
1083	400417	Vy Mỹ Linh		Trung văn	Hoãn thi đợt 07/2019
1084	410247	Phạm Thị Mỹ Linh		Anh văn	Hoãn thi đợt 01/2020
1085	411247	Lê Văn Trịnh		Anh văn	Hoãn thi đợt 01/2020
1086	411232	Đặng Trần Thùy Linh		Anh văn	Hoãn thi đợt 01/2020
1087	411315	Hoàng Thị Hương		Anh văn	Hoãn thi đợt 01/2020
1088	411309	Đỗ Khánh Linh		Anh văn	Hoãn thi đợt 01/2021